

Số: 3324/SGDĐT-QLCLGD

Bình Phước, ngày 19 tháng 8 năm 2024

V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ
ứng dụng CNTT, CDS và thống kê
giáo dục năm học 2024-2025

Kính gửi:

- Phòng GDĐT các huyện, thị xã, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT;
- Các Trung tâm GDNN-GDTX các huyện, thị xã.

Thực hiện Công văn số 4324/BGDĐT-CNTT ngày 14/8/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CDS) và thống kê giáo dục năm học 2024-2025, Sở GDĐT hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

I. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai ứng dụng CNTT và CDS trong quản lý, dạy học và kiểm tra đánh giá. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và Bộ phận một cửa, một cửa liên thông. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 1692/KH-SGDĐT ngày 20/6/2022 của Sở GDĐT về việc tăng cường ứng dụng CNTT và CDS trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 2530/KH-SGDĐT ngày 21/06/2024 của Sở GDĐT về CDS ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước năm 2024; Kế hoạch số 187/KH-SGDĐT ngày 02/02/2023 của Sở GDĐT về tăng cường công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ CDS quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” thuộc lĩnh vực GDĐT; Kế hoạch số 286/KH-SGDĐT ngày 24/01/2024 của Sở GDĐT về triển khai, thực hiện Đề án 06/CP ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước năm 2024.

2. Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, quản trị, dạy, học và nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, kiểm tra, đánh giá trong giáo dục; tiếp tục đóng góp, xây dựng hạ tầng số quốc gia về học tập, kho học liệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành, gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động dạy, học và quản lý giáo dục đi cùng với phát triển các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường học tập số; nâng cao năng lực số cho người học và đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

3. Đẩy mạnh triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số ở tất cả các cơ sở giáo dục. Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu (CSDL), triển khai hệ thống

thông tin quản lý ngành GDĐT, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu giữa các đơn vị, cơ quan trong ngành Giáo dục; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa ngành Giáo dục với các CSDL tỉnh, quốc gia phục vụ công tác báo cáo, thống kê, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý GDĐT.

4. Đổi mới nội dung, hình thức, qui mô công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng kỹ năng sử dụng CNTT, đặc biệt các kỹ năng số, nhận thức về CDS trong mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên nhằm đáp ứng yêu cầu mới; tăng cường bồi dưỡng kỹ năng số dành cho học sinh, đặc biệt học sinh trung học góp phần phổ cập kỹ năng số trong toàn ngành, tạo nguồn lực có chất lượng để trực tiếp hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương.

5. Tăng cường các nguồn lực của nhà nước và xã hội, nâng cao chất lượng nhân lực, đảm bảo các điều kiện về hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và CDS trong GDĐT.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Chuyển đổi số trong dạy, học và đánh giá

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, trong đó lưu ý triển khai một số nội dung như sau:

a) Duy trì và sử dụng tối đa lợi ích của phần mềm quản lý học tập (LMS) trong kết nối giữa nhà trường, giáo viên với học sinh (và cha mẹ học sinh) và tổ chức các hoạt động giáo dục; đảm bảo tích hợp, kết nối, trao đổi dữ liệu giữa các phần mềm dạy học trực tuyến với phần mềm quản trị ở cơ sở giáo dục.

b) Tăng cường xây dựng học liệu số (bao gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học); đóng góp học liệu và khai thác sử dụng hiệu quả Kho học liệu dùng chung của Bộ GDĐT (<https://igiaoduc.vn>, <https://www.youtube.com/@igiaoduc>) trong tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá.

c) Đẩy mạnh đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến; thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính đối với những nơi có nhu cầu và đảm bảo điều kiện tổ chức thực hiện (cần có kế hoạch và xác định các bước thực hiện từ triển khai thí điểm đến triển khai nhân rộng một cách phù hợp, đảm bảo chất lượng và hiệu quả).

d) Tăng cường tổ chức bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ nhà giáo; ưu tiên bồi dưỡng các nội dung gắn với thực tế công việc như: ứng dụng các phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến, ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động dạy, học.

đ) Rà soát, đầu tư mới, mua sắm bổ sung máy tính dạy môn tin học tối thiểu đáp ứng mức độ cơ bản (mức độ 2 theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT) phục vụ dạy môn Tin học: Tối đa 2-3 học sinh học chung 1 máy tính ở cấp Tiểu học; tối đa 2 học sinh học chung 1 máy tính ở cấp THCS; mỗi học sinh được học 1 máy

tính ở cấp THPT. Chú trọng khai thác phòng máy tính cho các hoạt động chuyên môn của nhà trường và các môn học khác ngoài môn Tin học. Đầu tư trang thiết bị phục vụ xây dựng học liệu số và dạy học trực tuyến (gồm máy tính, thiết bị phụ trợ và các phần mềm cần thiết).

e) Triển khai hiệu quả hệ thống thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và CSDL số hóa sách và tài nguyên phục vụ dạy học), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

g) Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số trong nhà trường.

2. Chuyển đổi số trong quản trị các cơ sở giáo dục và xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục

a) Tiếp tục triển khai phần mềm quản trị nhà trường tới 100% cơ sở giáo dục, tối thiểu triển khai các phân hệ: quản lý người học (hồ sơ, kết quả quá trình học tập, rèn luyện, học bạ, sức khỏe), quản lý đội ngũ, quản lý cơ sở vật chất (trong đó có danh mục thiết bị dạy học tối thiểu, nhà công vụ cho giáo viên, phòng học, nước sạch, công trình vệ sinh), y tế học đường, tài chính (thanh toán không dùng tiền mặt); đảm bảo kết nối thông suốt với CSDL giáo dục của tỉnh và CSDL ngành Giáo dục.

b) Tham mưu lãnh đạo các cấp bố trí nguồn lực để triển khai học bạ số trong giáo dục phổ thông; triển khai xây dựng CSDL văn bằng, chứng chỉ hướng đến triển khai văn bằng số, chứng chỉ số và công khai thông tin về cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Bộ GDĐT¹.

c) Tăng cường triển khai sử dụng hồ sơ điện tử gồm: sổ điểm điện tử, sổ theo dõi và đánh giá học sinh, sổ chủ nhiệm, sổ đăng bộ, sổ công tác đội, sổ đầu bài và các loại sổ khác (có thể in ra từ phần mềm, đáp ứng đúng-đủ nội dung, có xác nhận của người có thẩm quyền hoặc gắn chữ ký số). Trong đó, 100% cơ sở giáo dục cấp trung học sử dụng sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên và theo lớp học) điện tử. Việc quản lý, sử dụng hồ sơ điện tử thực hiện theo Quy chế quản lý, sử dụng hồ sơ điện tử trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 2645/QĐ-SGDĐT ngày 08/9/2022 của Sở GDĐT.

d) Triển khai sử dụng chứng thư số, chữ ký số để ký các loại hồ sơ điện tử trên hệ thống phần mềm quản trị nhà trường. Việc quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số thực hiện theo Quy chế quản lý và sử dụng chứng thư số, chữ ký số trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Bình Phước kèm theo Quyết định số 2538/QĐ-SGDĐT ngày 29/8/2022 của Sở GDĐT.

đ) Tổ chức cập nhật dữ liệu trên các hệ thống phần mềm CSDL ngành giáo dục

¹ Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

(<https://csdl.moet.gov.vn>) đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của Bộ GDĐT; hoàn thiện dứt điểm việc cập nhật đầy đủ số định danh cá nhân của giáo viên và học sinh; cập nhật đầy đủ kết quả học tập của học sinh trên CSDL ngành Giáo dục theo từng kỳ học; đặc biệt, hoàn thiện đầy đủ thông tin của học sinh, học viên lớp 12 phục vụ kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và xét tuyển trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non và thông tin của học sinh phục vụ tuyển sinh đầu cấp (lớp 6 và lớp 10 trường phổ thông dân tộc nội trú).

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên cấp Trường, Phòng, Sở GDĐT (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác nội dung theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 về chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục; Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ GDĐT. Để đảm bảo chất lượng thông tin và báo cáo, bộ phận làm công tác thống kê cần lưu ý:

+ Khai đầy đủ các thông tin chỉ tiêu trong hồ sơ trường như: Trường có tổ chức dạy học trực tuyến, có sử dụng máy tính, internet cho dạy học, có điện, có nguồn nước sạch, có nước uống, ...

+ Khai đầy đủ thông tin về học sinh: năm sinh, tình trạng lên lớp, lưu ban, bỏ học, ...; về đội ngũ: năm sinh, trình độ được đào tạo, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, ...

+ Kiểm tra, rà soát, đánh giá tính khớp đúng các chỉ tiêu theo mẫu biểu báo cáo thống kê trước khi nộp lên cấp trên (như các thông tin, quy mô trường, quy mô học sinh, quy mô học sinh theo tuổi, số học sinh đi học đúng tuổi, số học sinh lưu ban, bỏ học, số giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo, thông tin phổ cập giáo dục của tỉnh/thành phố, các chỉ tiêu tỷ lệ theo từng cấp học, số liệu chi ngân sách nhà nước cho giáo dục, ...).

3. Tiếp tục triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục, trong đó ưu tiên một số dịch vụ:

a) Dịch vụ đăng ký thi tốt nghiệp trung học phổ thông trực tuyến và Dịch vụ đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào đại học trên Cổng dịch vụ công Quốc gia mức độ toàn trình.

b) Dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển học sinh đầu cấp và Dịch vụ cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ, hướng tới triển khai ở mức độ toàn trình.

c) Tiếp tục triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT thực hiện Kế hoạch 101/KH-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025.

Đẩy mạnh thanh toán học phí, các khoản thu bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; kết nối phần mềm quản lý học phí, quản lý các khoản thu của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong đó có Nền tảng thanh toán trực tuyến cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN

1. Kiện toàn tổ chức bộ phận phụ trách CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục:

a) Tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy nòng cốt triển khai ứng dụng CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục trong toàn ngành. Thủ trưởng đơn vị là người chỉ đạo toàn diện, giao cho 01 lãnh đạo phụ trách và viên chức CNTT hoặc giáo viên kiêm nhiệm làm đầu mối triển khai nhiệm vụ CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục.

b) Cán bộ đầu mối các đơn vị duy trì liên hệ thường xuyên với bộ phận đầu mối của phòng GDĐT (đối với cơ sở giáo dục thuộc phòng GDĐT) và Sở GDĐT (đối với đầu mối phòng GDĐT và các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT). Chủ động tham gia Tổ CNTT (qua đường dẫn <https://zalo.me/g/sglwsh223>) của Sở GDĐT để gia nhập nhóm Ứng dụng CNTT, CDS của ngành nhằm kịp thời cập nhật thông tin, định hướng và phối hợp trong triển khai nhiệm vụ.

c) Phối hợp với các đơn vị có năng lực, triển khai các khóa bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và CDS cho 100% giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh. Nội dung bồi dưỡng gắn với nhu cầu thực tiễn về triển khai ứng dụng CNTT và CDS trong cơ sở giáo dục, chú trọng tới một số chủ đề như: Kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến; kỹ năng thiết kế bài giảng e-Learning, video bài giảng, thiết bị dạy học số; kỹ năng quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị trong cơ sở giáo dục; nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin.

2. Triển khai hiệu quả việc đánh giá mức độ CDS của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ CDS của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

3. Tăng cường công tác thể chế: Ban Chỉ đạo CDS của Sở GDĐT tăng cường rà soát và hoàn thiện hệ thống các văn bản, quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống CNTT do Sở GDĐT chủ trì; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu theo quy định (giao trách nhiệm các phòng/bộ phận chuyên môn rà soát, đối chiếu và chuẩn hóa đảm bảo tính chính xác của dữ liệu thành phần của từng cấp học trên CSDL ngành); kịp thời bổ sung, ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan đến tổ chức thực hiện nhiệm vụ CNTT, CDS và thống kê giáo dục; đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quy định về sở hữu dữ liệu, an toàn thông tin, an ninh mạng.

4. Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng CNTT, CDS giáo dục:

a) Các cơ sở giáo dục chủ động rà soát và đề xuất mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, CDS trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục; phối hợp các đơn vị cung cấp hạ tầng viễn thông nâng cấp đường truyền, bảo đảm đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động dạy, học, kiểm tra đánh giá trực tiếp, trực tuyến.

b) Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT.

thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân. Đồng thời lồng ghép, giáo dục các nội dung về các quy tắc ứng xử trên môi trường mạng, các quy định về an toàn, an ninh mạng.

c) Bên cạnh việc chủ động tham mưu các cấp quản lý ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến phục vụ nhà trường, giáo viên và học sinh, tổ chức huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy học trực tuyến cho học sinh và giáo viên ở những nơi còn khó khăn; đề nghị các nhà mạng trên địa bàn có chính sách hỗ trợ, ưu đãi về dịch vụ Internet (đặc biệt là giảm giá cước 3G, 4G) cho học sinh, giáo viên và nhà trường để dạy học trực tuyến.

5. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò và kết quả của ứng dụng CNTT, CDS trong các hoạt động giáo dục; phổ biến và tuyên truyền tới cán bộ, giáo viên và học sinh về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn; trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; triển khai các hoạt động hưởng ứng ngày CDS quốc gia vào ngày 10 tháng 10 hàng năm.

6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và công tác thống kê trong giáo dục, tối thiểu 30% số đơn vị trực thuộc được kiểm tra (có thể lồng ghép chung vào kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm).

7. Căn cứ kết quả đánh giá mức độ CDS, đối chiếu với thực tế của đơn vị, thủ trưởng các đơn vị xây dựng Kế hoạch nâng cao mức độ CDS của đơn vị, đồng thời đề xuất cấp quản lý trực tiếp quan tâm, đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất để thực hiện CDS kết hợp với huy động các nguồn lực hỗ trợ hợp pháp, thường xuyên chỉ đạo, rà soát bảo đảm mức độ CDS của đơn vị. Xác định mức độ CDS của mỗi cơ sở giáo dục là nền tảng, cơ sở đánh giá mức độ CDS của các phòng GDĐT và toàn ngành Giáo dục.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng thuộc Sở GDĐT (Ban Chỉ đạo CDS)

- Theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực được giao, thường xuyên chỉ đạo, bám sát, hỗ trợ, hướng dẫn các đơn vị, cơ sở giáo dục thực hiện tốt các nội dung thực hiện nhiệm vụ CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục năm học 2024-2025.

- Duy trì hoạt động hiệu quả các thành viên, Tổ Thư ký theo phân công.

- Trong quá trình thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch, định kỳ, đột xuất, ... phải gắn nội dung đánh giá việc thực hiện các nội dung về ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục theo Công văn này.

- Phòng Quản lý chất lượng giáo dục (QLCLGD) Sở GDĐT chịu trách nhiệm đầu mối phối hợp các phòng thuộc Sở GDĐT tham mưu lãnh đạo Sở đơn đốc, chỉ đạo triển

khai, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung theo Công văn; tham mưu Lãnh đạo Sở, chỉ đạo toàn ngành triển khai có hiệu quả các Đề án và kế hoạch ứng dụng CNTT, CDS của toàn ngành.

2. Phòng GDĐT các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT; Trung tâm GDNN-GDTX các huyện, thị xã

- Trên cơ sở những nội dung của hướng dẫn này, Phòng GDĐT các huyện, thị xã, thành phố (chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc), các đơn vị trực thuộc Sở, Trung tâm GDNN-GDTX các huyện, thị xã cụ thể hóa thành kế hoạch của từng đơn vị.

- Văn bản hướng dẫn và kế hoạch ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục do phòng GDĐT, các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT, các Trung tâm GDNN-GDTX xây dựng gửi về Sở GDĐT theo đường dẫn <https://forms.gle/SiSJi9VqFJ7xuUvN8> trước ngày **14/9/2024** để theo dõi, tổng hợp. Việc gửi chậm, muộn hoặc không gửi sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả đánh giá thi đua năm học của đơn vị.

- Tổ chức sơ kết đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT và CDS sau khi kết thúc học kỳ I năm học 2024-2025 và gửi về Sở GDĐT (qua phòng QLCLGD) trước ngày **15/01/2025**.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng kết triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2024-2025; lập báo cáo đánh giá và tự chấm điểm tiêu chí thi đua năm học và gửi về Sở GDĐT (qua phòng QLCLGD) trước ngày **01/6/2025**.

Trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị báo cáo kịp thời về Sở GDĐT (qua Phòng QLCLGD, điện thoại: 0271.3888703, email: khaothikiemdinh@binhphuoc.edu.vn) để phối hợp, tham mưu Lãnh đạo Sở GDĐT chỉ đạo và tháo gỡ./.

Sở GDĐT yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc./.

(Gửi kèm theo: Phụ lục danh sách một số văn bản liên quan đến triển khai ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục CNTT - Bộ GDĐT;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Sở TT&TT;
- VNPT Bình Phước;
- Viettel Bình Phước;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLCLGD_(ph).

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC
MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Công văn số: 3026/SGDDĐT-QLCLGD ngày 11 tháng 8 năm 2024)

I. CÁC VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG

1. Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
2. Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
3. Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;
4. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;
5. Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;
6. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";
7. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
8. Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025";
9. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030";
10. Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030";
11. Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định về sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục;
12. Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định về Điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;
13. Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

14. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục;

15. Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Hệ thống chỉ tiêu thông kê ngành giáo dục;

16. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

17. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

18. Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Hệ thống chỉ tiêu thông kê ngành giáo dục;

19. Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT;

20. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

21. Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định về đánh giá, công nhân “Đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh;

22. Văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông;

23. Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

24. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

25. Chỉ thị số 733/CT-BGDĐT ngày 10/05/2023 của Bộ GDĐT về việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục.

II. CÁC VĂN BẢN CỦA TỈNH

1. Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

2. Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

3. Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 06/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai, thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

4. Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

5. Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 23/5/2024 của UBND tỉnh về triển khai công tác chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh Bình Phước 2024;

6. Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 03/4/2024 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh về hoạt động của Ban chỉ đạo về Chuyển đổi số năm 2024;

7. Kế hoạch 101/KH-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025;

8. Quyết định số 679/QĐ-SGDĐT ngày 11/3/2021 của Giám đốc Sở GDĐT về việc ban hành Quy chế Bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước;

9. Kế hoạch số 1692/KH-SGDĐT ngày 20/6/2022 của Sở GDĐT về tăng cường ứng dụng CNTT và CDS trong GD&ĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;

10. Kế hoạch số 2530/KH-SGDĐT ngày 21/06/2024 của Sở GDĐT về chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước năm 2024;

11. Quyết định số 2538/QĐ-SGDĐT ngày 29/8/2022 của Sở GDĐT về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chứng thư số, chữ ký số trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

12. Quyết định số 2645/QĐ-SGDĐT ngày 08/9/2022 của Sở GDĐT về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng hồ sơ điện tử trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
